

background-color màu nền

```
.target1 {  
  background-color: orange;  
  width: 300px;  
}
```

background-image ảnh nền

cú pháp background-image: url("đường dẫn của hình ảnh nền");

```
.target2 {  
  background-image: url("images/images2431584_1.jpg");  
  width: 1200px;  
  height: 600px;  
  color: #ffffff;  
  border: 3px solid red;  
}
```

background-repeat (lặp ảnh nền hay không)

khi nào thì ảnh nền sẽ bị lặp ?

- ảnh nền sẽ lặp khi mà kích cỡ thẻ lớn hơn kích cỡ gốc của ảnh nền
vd kích cỡ của thẻ div là 1000 * 1000 nhưng ảnh nền có kích cỡ là 100px * 100px (chắc chắn lặp)
vd kích cỡ của thẻ div là 50px * 50 px mà ảnh nền có kích cỡ 100px * 100px (không lặp)

background-repeat: no-repeat; không lặp ảnh nền

background-repeat: repeat-x; lặp theo chiều ngang

background-repeat: repeat-y; lặp theo chiều dọc

background-repeat: repeat; lặp theo chiều ngang và dọc (đây là giá trị mặc định)

background-attachment:fixed đính kèm ảnh nền 1 cách cố định

chú ý giá trị mặc định của background-attachment là scroll

chú ý là thuộc tính background-attachment muốn có ảnh hưởng background-

```
repeat: no-repeat;
```

background-attachment:scroll; ảnh nền không cố định

background-position vị trí của ảnh nền

chú ý muốn dùng được background-position thì phải dùng kèm background-repeat: no-repeat;

background-position:X Y;

X là chiều ngang

Y là chiều dọc

background-position: right top; bên tay phải trên cùng

background-position: right bottom; bên tay phải dưới cùng

background-position: left bottom; bên tay trái dưới cùng

background-position: center top; ở giữa trên cùng

background-position: center bottom; ở giữa dưới cùng

background-position: center center; ở giữa theo cả chiều ngang và dọc

background-position dùng theo đơn vị px

```
background-position: 100px 50px;
```

background-position dùng theo đơn vị %

```
background-position: 10% 20%;
```

Viết rút gọn

Thứ tự là giá trị của các thuộc tính này

1. background-color
2. background-image
3. background-repeat
4. background-attachment
5. background-position

```
.target {
    width: 500px;
    height: 500px;
    border: 1px solid red;
    background-color: orange;
    background-image: url("images/abc.jpg");
    background-repeat: no-repeat;
    background-position: center center;
}

.target1 {
    width: 500px;
    height: 500px;
    border: 1px solid red;
    background: orange url("images/abc.jpg") no-repeat center center;
}
```

Border đường viền

```
border-style: solid; là phong cách của đường viền
border-width: 3px;
border-color: red;
```

Viết rút gọn border

thứ tự khi viết rút gọn là giá trị của các thuộc tính theo thứ tự :

1. border-width
2. border-style
3. border-color

trang trí viền cho các cạnh khác nhau

```
.target {
    width: 500px;
    height: 300px;
    border-top: 2px solid red;
    border-left: 4px dashed yellow;
    border-right: 1px dotted orange;
```

```
border-bottom: 8px double violet;  
}
```

quan sát border style trực quan tại
https://www.w3schools.com/css/css_border.asp

Bo tròn viền border-radius

```
.target1 {  
    width: 300px;  
    border: 3px solid red;  
    border-radius: 30px;  
    padding: 10px;  
}
```

CSS margin dùng để căn chỉnh cách cách thành phần khác trên trang

```
.target1 {  
    border: 1px solid red;  
  
    margin-left: 100px;  
    margin-top: 50px;  
    margin-right: 200px;  
    margin-bottom: 20px;  
}
```

CSS padding là độ rộng vùng đệm

chú ý cho phần margin căn giữa 1 thẻ vào giữa màn hình hay giữa bên trong 1 thẻ khác
phải đặt 1 chiều rộng cụ thể cho thẻ đó
phải đặt margin left là auto và margin right là auto

```
padding-top  
padding-left  
padding-right  
padding-bottom
```

padding là độ rộng phần đệm nằm giữa border và content

```
.target {  
    border: 1px solid orange;  
    width: 300px;  
    border-radius: 24px;  
    margin-left: auto;  
    margin-right: auto;  
  
    padding-top: 10px;  
    padding-left: 50px;  
    padding-right: 20px;  
    padding-bottom: 70px;  
}
```